

Số: /2023/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO 2**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về công khai trong hoạt động  
của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng;*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân gồm: nội dung công khai, cách thức và thời điểm công khai, tổ chức thực hiện.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và các cơ sở giáo dục khác thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) và các tổ chức cá nhân có liên quan.

3. Việc thực hiện công khai các nội dung khác không nêu trong Thông tư này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

4. Thông tư này không áp dụng đối với các nội dung được bảo vệ bí mật thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 2. Mục đích của công khai**

1. Minh bạch các cam kết về chất lượng, điều kiện bảo đảm chất lượng; thu, chi tài chính tại các cơ sở giáo dục và các thông tin khác có liên quan của cơ sở giáo dục để cán bộ, giảng viên, giáo viên, người lao động, người học, gia đình và xã hội biết và tham gia giám sát các hoạt động của các cơ sở giáo dục.

2. Thông tin tại Báo cáo thường niên là một trong những căn cứ để xã hội và các bên liên quan biết, đánh giá một cách tổng quan về kết quả hoạt động chính của cơ sở giáo dục trong năm.

3. Là một trong các căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra việc thực hiện trách nhiệm và giải trình của cơ sở giáo dục.

#### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai**

1. Việc thực hiện công khai bảo đảm đúng các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Thông tin công khai bảo đảm đầy đủ, chính xác, đáng tin cậy, cập nhật, dễ hiểu, dễ tiếp cận, kịp thời, nhất quán với thông tin cập nhật trong cơ sở dữ liệu ngành.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG CÔNG KHAI**

#### **Mục 1**

#### **CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC**

#### **Điều 4. Thông tin chung và tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên nước ngoài, nếu có).
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử và cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.
3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu (nếu có).
4. Mục tiêu, sứ mạng của cơ sở giáo dục.
5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.
6. Thông tin người đại diện pháp luật của cơ sở giáo dục và thông tin người liên hệ, trao đổi, giải đáp các vấn đề liên quan của cơ sở giáo dục, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; điện thoại, địa chỉ thư điện tử để phục vụ trong công việc; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài);
7. Tổ chức bộ máy:
  - a) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục;
  - b) Quyết định cho phép hoạt động giáo dục;
  - c) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường sau khi được cơ quan quản lý có thẩm quyền công nhận;
  - d) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;
  - đ) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục;
  - e) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);
  - g) Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);
  - h) Họ và tên, chức vụ; điện thoại và địa chỉ thư điện tử để phục vụ trong công việc, nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và của lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có).
8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục (nếu có): Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, giảng viên, giáo viên, viên chức và người lao động của cơ sở giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng (nếu có); các quy định và quy chế nội bộ khác.

## **Điều 5. Thu, chi tài chính**

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

a) Cơ sở giáo dục công lập công khai các số liệu theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Cơ sở giáo dục ngoài công lập công khai số liệu báo cáo tài chính hằng quý, năm và theo quy định của Luật Kế toán, quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục.

3. Tổng thu và cơ cấu các khoản thu trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo:

a) Theo nguồn thu: Ngân sách nhà nước; học phí, lệ phí từ người học; hợp tác, tài trợ từ bên ngoài; nguồn thu khác;

b) Theo hoạt động: Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hỗ trợ vốn đầu tư; kinh doanh và dịch vụ; hoạt động khác;

4. Tổng chi và cơ cấu các khoản chi trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo:

a) Chi cho nhân lực (các khoản chi cho thu nhập, phúc lợi, bảo hiểm);

b) Chi cho người học (học bổng, các khoản hỗ trợ người học);

c) Chi hoạt động chuyên môn (các khoản chi thường xuyên, trực tiếp và gián tiếp cho hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, b và d khoản này);

d) Chi đầu tư cơ sở vật chất (đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản);

đ) Chi khác.

5. Kết quả kiểm tra, kiểm toán, thanh tra (nếu có).

## Mục 2

### CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON

#### Điều 6. Thông tin về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

1. Thông tin về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em thực tế trong năm học trước:

a) Tổng số trẻ em ; tổng số nhóm, lớp; bình quân số trẻ em/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép;

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày;

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú;

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

e) Số trẻ em được tham gia các hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non;

g) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

3. Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và từng năm theo thời gian.

4. Đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục tự thực giảng dạy chương trình giáo dục mầm non của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục mầm non tích hợp, ngoài việc công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư này, thực hiện công khai theo các nội dung sau đây:

a) Chương trình giáo dục mầm non (tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình; tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục);

b) Ngôn ngữ giảng dạy;

c) Số lượng tuyển sinh hằng năm, số lượng trẻ em đang học (số lượng trẻ em là người Việt Nam, số lượng trẻ em là người nước ngoài).

2. Thông tin về kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm học sắp tới:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; bình quân số trẻ em/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em (chất lượng trẻ em học 2 buổi/ngày, trẻ ăn bán trú, trẻ em được khám sức khỏe, trẻ em được tham các hoạt động giáo dục và được đánh giá sự phát triển...);

c) Chương trình giáo dục nhà trường (nếu có); kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần, ngày;

d) Thực đơn hàng ngày của trẻ em;

đ) Hoạt động phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội.

**Điều 7. Điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em**

1. Cơ sở vật chất:

- a) Diện tích khu đất xây dựng tính bình quân (m<sup>2</sup>) trên một trẻ em;
  - b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
  - c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
  - d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.
2. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động:
- a) Số lượng cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non;
  - b) Số lượng cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động được đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

### **Mục 3**

## **CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

### **Điều 8. Thông tin về hoạt động giáo dục**

1. Các thông tin về kế hoạch đối với khóa tuyển sinh trong năm học tiếp theo:
  - a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;
  - b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường;
  - c) Quy chế phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;
  - d) Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;
2. Thông tin giáo dục thực tế trong năm học trước:
  - a) Kết quả tuyển sinh;
  - b) Tổng số học sinh theo từng khối, số học sinh trung bình/lớp theo từng khối;
  - c) Số lượng học sinh học 2 buổi/ngày;
  - d) Kết quả đánh giá định kỳ cuối năm học về từng lĩnh vực năng lực, phẩm chất, kết quả học tập, tổng hợp kết quả cuối năm đối học sinh cấp tiểu học; tổng hợp đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh cả năm học, số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi đối với học sinh cấp trung học;

đ) Số lượng học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình giáo dục;

e) Số lượng học sinh đỗ đại học, cao đẳng đối với cấp trung học phổ thông;

g) Số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật học hòa nhập.

3. Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và từng năm theo thời gian.

4. Đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục tự thực giảng dạy chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình tích hợp, ngoài việc công khai các nội dung theo quy định của Thông tư này còn phải ngoài việc công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư này, thực hiện công khai theo các nội dung sau đây:

a) Chương trình giáo dục (tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình; tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục);

b) Ngôn ngữ giảng dạy;

c) Số lượng tuyển sinh hằng năm, số lượng người học đang học (số lượng người học là người Việt Nam, số lượng người học là người nước ngoài).

### **Điều 9. Điều kiện bảo đảm hoạt động giáo dục**

1. Cơ sở vật chất:

a) Diện tích khu đất xây dựng tính bình quân ( $m^2$ ) trên một học sinh;

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập; khối hành chính; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phòng phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động:

a) Số lượng cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo;

b) Số lượng cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động được đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

## Mục 4

### CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

#### Điều 10. Thông tin về hoạt động giáo dục

1. Thông tin về hoạt động giáo dục trong năm học tiếp theo

a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Các chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục:

- Danh mục và thông tin các chương trình giáo dục thường xuyên theo quy định, bao gồm: Chương trình xóa mù chữ; chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; chương trình giáo dục thuộc chương trình đề cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân;

- Danh mục các chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và đào tạo sơ cấp nghề;

c) Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình đối với các chương trình giáo dục thường xuyên giảng dạy cho học viên dưới 18 tuổi;

d) Yêu cầu thái độ học tập của học viên;

đ) Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục;

e) Dự kiến kết quả học tập của học viên có thể đạt được theo phẩm chất, năng lực đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông.

g) Dự kiến số học viên đủ điều kiện tiếp tục học tập ở năm tiếp theo.

2. Thông tin về hoạt động giáo dục thực tế trong năm học trước:

a) Các chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục:

- Danh mục và thông tin các chương trình giáo dục thường xuyên theo quy định, bao gồm: Chương trình xóa mù chữ; chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; chương trình giáo dục thuộc chương trình đề cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân;

- Danh mục các chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và đào tạo sơ cấp nghề;

b) Kết quả tuyển sinh trong năm học trước;

c) Tổng số học viên theo từng khóa học thuộc các chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình liên kết đào tạo tại thời điểm báo cáo;



d) Đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông:

- Kết quả đánh giá định kỳ cuối năm học về từng lĩnh vực năng lực, phẩm chất, kết quả học tập;

- Số học viên xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi;

- Số học viên dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình;

- Số học viên trúng tuyển đại học, cao đẳng; số học viên học chương trình tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác chia theo các khối ngành đào tạo;

- Tỷ lệ học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học có việc làm sau 01 năm ra trường/ tốt nghiệp.

3. Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và từng năm theo thời gian.

### **Điều 11. Điều kiện bảo đảm hoạt động giáo dục**

1. Cơ sở vật chất:

a) Số lượng, diện tích ( $m^2$ ) các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú; diện tích ( $m^2$ ) phòng học và phòng chức năng tính bình quân trên một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng các thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động:

a) Số lượng cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo;

b) Số lượng cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động được đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

## **Mục 5**

### **CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG SỬ PHẠM**

**Điều 12. Công khai thông tin hoạt động đào tạo và các hoạt động liên**

## **quan đến đào tạo hằng năm**

1. Thông tin về đáp ứng các yêu cầu theo quy định về chuẩn cơ sở giáo dục đại học và quy định pháp luật đối với các trường cao đẳng sư phạm.

2. Thông tin tuyển sinh, tổ chức đào tạo hằng năm của cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.

3. Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động và thông tin về các điều kiện mở ngành đào tạo.

4. Danh mục chương trình đào tạo và thông tin về các chương trình đào tạo bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, điều kiện bảo đảm thực hiện chương trình đào tạo cho từng trình độ, ngành và hình thức đào tạo.

5. Hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (nếu có): Ngoại ngữ liên kết tổ chức thi; loại chứng chỉ được cấp; văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền; thời hạn hoạt động của liên kết.

6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn (nếu có): Tên dự án, đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ; người chủ trì và các thành viên tham gia; đối tác trong nước và quốc tế; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng.

7. Hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức trong năm học trước: Tên chủ đề hội nghị, hội thảo; thời gian, địa điểm tổ chức; số lượng đại biểu tham dự.

8. Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, đánh giá ngoài;

b) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cấp theo quy định pháp luật qua các mốc thời gian;

c) Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và từng năm.

10. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động:

a) Số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và người lao động chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, trình độ đào tạo và theo chức danh giáo sư, phó giáo sư (nếu có); danh sách giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng theo từng trình độ và ngành đào tạo;

b) Số lượng cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động được đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo, bồi dưỡng hằng

năm.

### **Điều 13. Công khai thông tin kết quả đào tạo hằng năm**

1. Chỉ tiêu tuyển sinh và số lượng người học nhập học hằng năm chia theo trình độ, ngành và hình thức đào tạo.
2. Quy mô người học các khóa đào tạo chia theo trình độ, ngành, hình thức đào tạo.
3. Thông tin về số lượng sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm chia theo trình độ, ngành, hình thức đào tạo.

## **Chương III**

### **CÁCH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI**

#### **Điều 14. Cách thức công khai**

1. Cơ sở giáo dục thực hiện công bố công khai đầy đủ nội dung theo quy định tại Thông tư này trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục. Nội dung công khai được sắp xếp khoa học theo chủ đề, được cập nhật trong năm; thuận lợi cho việc truy cập, sử dụng thông tin; phù hợp với quy định pháp luật liên quan và phù hợp với cấu trúc, định dạng của trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.
2. Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên công bố công khai Báo cáo thường niên trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục về nội dung tại Phụ lục I; Cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm bố công khai Báo cáo thường niên trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục về nội dung tại Phụ lục II Thông tư này theo định dạng file PDF, bảo đảm dễ dàng truy cập, tra cứu và tìm kiếm.
3. Cơ sở giáo dục mầm non chưa có cổng thông tin điện tử, thực hiện việc niêm yết các nội dung công bố công khai tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trên bảng tin của cơ sở giáo dục.
4. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này, các nội dung công khai phải được phổ biến tại cuộc họp cha mẹ người học sinh đầu năm học đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, tại cuộc họp đầu khóa học và đầu mỗi năm học đối với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm, giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác.

#### **Điều 15. Thời điểm công khai**

1. Cơ sở giáo dục công bố công khai nội dung theo quy định tại Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức.

2. Cơ sở giáo dục công bố công khai nội dung Báo cáo thường niên theo quy định tại thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm trên cơ sở số liệu tính đến ngày 31/12 năm trước. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì tính đến hết thời gian chính lý quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục tối thiểu là 5 năm kể từ ngày công bố công khai. Thời gian niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục tối thiểu là 90 ngày và sau khi niêm yết phải lưu giữ nội dung công khai để bảo đảm cho việc tiếp cận thông tin tối thiểu là 5 năm kể từ ngày niêm yết công khai.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm và các cơ sở giáo dục khác thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư này.

2. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phối hợp với Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công tác thanh tra, xử lý vi phạm các quy định của Thông tư này theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của các sở giáo dục và đào tạo**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các phòng giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục của địa phương thuộc phạm vi quản lý thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư này.

2. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, xử lý vi phạm các quy định của Thông tư này theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai hằng năm và xây dựng kế hoạch công khai của năm tiếp theo.

4. Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 18. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục**

1. Thực hiện công khai theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai hằng năm và xây dựng kế hoạch công khai của năm tiếp theo.

3. Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

## **Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023. Thông tư này thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Hiệu trưởng các trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục khác thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và PTNNL;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng (đề báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 13;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, QLCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Hoàng Minh Sơn**

**Phụ lục I**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VỀ CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA**  
**CƠ SỞ GIÁO DỤC**

*(Kèm theo Thông tư số .... /2023/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

TÊN CƠ QUAN CƠ QUAN/TỔ  
CHỨC CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP  
(Nếu có)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC**

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**VỀ CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
**Năm:**

*(Áp dụng cho giáo dục mầm non /giáo dục phổ thông / giáo dục thường xuyên)*

1. Thông tin chung và tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục<sup>1</sup>
2. Thu chi tài chính<sup>2</sup>
3. Các nội dung công khai đối với giáo dục mầm non<sup>3</sup>/giáo dục phổ thông<sup>4</sup>/ giáo dục thường xuyên<sup>5</sup>

**Nơi nhận:**

.....

.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

<sup>1</sup> Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này tính đến thời điểm báo cáo.

<sup>2</sup> Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 5 của Thông tư này tính đến ngày 31/12 năm trước. Trừ thông tin về kế hoạch, dự kiến thu chi tài chính cho năm học tiếp theo.

<sup>3</sup> Bao gồm các thông tin được quy định tại khoản 2, Điều 6 của Thông tư này (năm học trước), tại khoản 3, Điều 6 và Điều 7 của Thông tư này tính đến ngày 31/12 năm trước.

<sup>4</sup> gồm các thông tin được quy định tại khoản 2, Điều 8 của Thông tư này (năm học trước) tại khoản 3, Điều 8 và Điều 9 của Thông tư này tính đến ngày 31/12 năm trước.

<sup>5</sup> gồm các thông tin được quy định tại khoản 2, Điều 12 của Thông tư này (năm học trước) tại khoản 3, Điều 12 và Điều 13 của Thông tư này tính đến ngày 31/12 năm trước.

**Phụ lục II**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VỀ CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA**  
**CƠ SỞ GIÁO DỤC**

*(Kèm theo Thông tư số .... /2023/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

TÊN CƠ QUAN CƠ QUAN/TỔ  
 CHỨC CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP  
 (Nếu có)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**VỀ CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
**Năm:**

*(Áp dụng cho giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm)*

1. Thông tin chung và tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục<sup>6</sup>
2. Thu chi tài chính<sup>7</sup>
3. Các nội dung công khai<sup>8</sup>

**Nơi nhận:**

.....  
 .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

<sup>6</sup> Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này tính đến thời điểm báo cáo.

<sup>7</sup> Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 5 của Thông tư này tính đến ngày 31/12 của năm trước.

<sup>8</sup> Bao gồm thông tin được quy định tại Điều 10 (không thực hiện việc công khai danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng theo từng trình độ và ngành đào tạo trong Báo cáo thường niên); Điều 11 tính đến ngày 31/12 của năm trước